

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT - NGA TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ HIỆN NAY

ĐINH CÔNG TUẤN*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt - Nga vốn đã có mối quan hệ hợp tác truyền thống phát triển lâu đời với các giai đoạn thăng trầm khác nhau. Từ 1955 đến cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, đây là quãng "thời gian vàng" trong quan hệ đa dạng giữa hai nước, các dự án hợp tác hầu hết được tiến hành tại Việt Nam, đây là mô hình hợp tác có hiệu quả kinh tế thấp, hợp tác hầu hết theo cơ chế xin - cho. Sau giai đoạn đi xuống đầu thập niên 90 sự hợp tác hai bên đặc biệt về kinh tế - thương mại bị giảm sút nặng nề, đến giữa những năm 90 quan hệ hai nước được phục hồi dần dần và bắt đầu thực hiện theo nguyên tắc hợp tác mới: hai bên cùng có lợi.

Từ cuối những năm 90 đến nay, quan hệ hai nước bước vào thời kỳ hợp tác đối tác chiến lược trong thời đại mới. Nga trở thành một trong những đối tác chính của Việt Nam. Hướng tới thế kỷ XXI, chúng ta phải làm gì để phát triển quan hệ Việt - Nga nâng lên một tầm cao mới, hiệu quả hơn, mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai quốc gia. Xuất phát từ yêu cầu đó, chúng

tôi muốn phân tích những nhân tố quốc tế, khu vực, của cả hai nước đã tác động đến sự phát triển của mối quan hệ Việt - Nga trong thế kỷ XXI, đồng thời đưa ra những định hướng phát triển, các hình thức hợp tác và các khuyến nghị cho chính phủ hai bên.

II. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUAN HỆ VIỆT - NGA

1. Các nhân tố quốc tế

Liên Xô và CNXH sụp đổ ở châu Âu là sự kiện quan trọng cuối thế kỷ XX. Chiến tranh lạnh kết thúc, chấm dứt thời kỳ chạy đua vũ trang giữa hai phe đối lập, chuyển từ thế giới hai cực sang thế giới đa cực với một siêu cường là Mỹ. Thế giới đang chuyển mạnh từ chạy đua quyết liệt về quân sự, tranh giành những khoảng trống quyền lực, sang cạnh tranh về kinh tế, chiếm lĩnh thị trường. Sức mạnh về kinh tế ngày càng có vai trò quyết định vị thế của các nước, các khu vực trên trường quốc tế. Những thành tựu về khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin càng làm gia tăng xu thế toàn cầu hoá,

* TS. Đinh Công Tuấn, Viện Nghiên cứu Châu Âu

khu vực hoá về kinh tế. Trong những năm cuối thế kỷ XX hàng loạt các tổ chức liên kết kinh tế khu vực đã ra đời như Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tháng 11/1989, Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) tháng 12/1992, Liên minh Kinh tế các nước SNG tháng 9/1993, Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) tháng 1/1992, các Tổ chức Kinh tế khu vực Bắc Phi, Trung Mỹ. Hiệp ước Maastricht năm 1993 khẳng định quá trình liên kết EU cả về chiều rộng lẫn chiều sâu với 3 trụ cột liên minh kinh tế - tiền tệ, chính sách an ninh và đối ngoại chung, hợp tác trong lĩnh vực chính sách đối nội và tư pháp. 1/5/2004 EU 25 mở rộng với dân số gần 500 triệu người, GDP hơn 10 ngàn tỷ USD, chiếm khoảng 30% GDP toàn cầu, chiếm 50% mậu dịch, hơn 60% FDI toàn cầu⁽¹⁾. Xu hướng hoà bình và hợp tác đã chi phối tất cả các quốc gia hiện nay trên thế giới. Xu thế đó đã buộc các nước trên thế giới trong đó có Nga phải thực thi chính sách mới cân bằng Đông - Tây, Nga đã thực thi chính sách hoà hoãn hợp tác với Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc. Dần dần nước Nga đã khôi phục được vị thế của mình trên trường quốc tế. Xu thế toàn cầu hoá đã thể hiện nổi bật sự phát triển mạnh mẽ của các định chế toàn cầu như WTO, WB, IMF, Liên hợp quốc... Xu thế này buộc cả Nga và Việt Nam phải tham gia tích cực vào các định chế toàn cầu đó. Song do những điều kiện, lý do khác nhau mà cả Nga và Việt Nam đã tham gia vào các định chế trên chưa tương xứng với tiềm năng của mình. Cả Nga và Việt Nam đã có vai trò rõ rệt ở Liên hợp quốc, tuy cả hai nước đã là thành viên của WB, IMF nhưng mới là thành viên đi vay, chứ chưa

phải là thành viên có tiếng nói và đóng góp thoả đáng. Cả hai nước đều đang làm đơn xin gia nhập WTO, Việt Nam có thể đến giữa năm 2006, còn Nga có lẽ phải đến năm 2007 mới được kết nạp vào tổ chức này. Những định chế trên hoạt động dựa trên xu thế tự do hoá kinh tế. Cả Nga và Việt Nam đều chưa gia nhập WTO, điều đó có nghĩa là mức độ tự do hoá kinh tế của hai nước còn đang thấp hơn mức thấp thường của thế giới. Trong đàm phán gia nhập WTO, Nga đưa ra mức thuế bình quân nhập khẩu là 27%, và Việt Nam là 26%, như vậy là quá cao so với mức thuế nhập khẩu bình quân của các nước đang phát triển 16%. Vì vậy, hai nước gặp nhiều khó khăn trong đàm phán gia nhập tổ chức này. Và quan hệ kinh tế Nga và Việt Nam hiện nay đang bị hàng rào bảo hộ cao nay ngăn cản. Vì thuế nhập khẩu quá cao, nên buôn lậu trở thành quốc nạn ở hai nước. Ở Nga hoạt động kinh tế ngầm ước chiếm 50% GDP, còn ở Việt Nam thấp hơn khoảng 30%. Hàng hoá bên ngoài (kể cả ở Việt Nam) nhập khẩu vào Nga phần lớn phải qua kênh buôn lậu mới có lãi. Quan hệ kinh tế giữa Nga và thế giới cũng như đối với Việt Nam buộc phải bị thị trường ngầm chi phối. Quan hệ kinh tế thương mại hợp pháp công khai giữa Nga với Việt Nam (và ngược lại) chỉ có thể được thiết lập trong điều kiện hàng rào bảo hộ ở cả hai nước phải được giảm xuống mức thấp nhất, có thể còn phải thấp hơn mức WTO yêu cầu. Chúng ta có thể dẫn ra một thực tế đó là khi Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ có hiệu lực, mức thuế nhập khẩu phần lớn hàng hoá của Việt Nam vào Mỹ đã hạ xuống khoảng 3% và khối lượng hàng hoá, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ đã tăng lên nhanh chóng,

gấp đôi trong một năm.

Một đặc trưng nổi bật của xu thế toàn cầu hoá hiện nay là các công ty xuyên quốc gia và đa quốc gia đang ngày càng trở thành chủ thể kinh doanh trên thị trường quốc tế. Trong khi đó cả Nga và Việt Nam hiện đang có rất ít các công ty đa và xuyên quốc gia của mình. Những công ty xuyên quốc gia nước ngoài hiện đang hoạt động tại Nga lại nhằm vào thị trường Nga, chứ chưa để ý đến thị trường Việt Nam. Các công ty xuyên quốc gia hoạt động tại Việt Nam cũng chưa chú ý tới thị trường Nga. Chỉ khi nào mối quan hệ kinh tế thương mại Việt - Nga sinh lợi đủ sức hấp dẫn, thì các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia mới chú ý tới. Chừng nào chưa có các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia chú ý phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước, thì chừng đó quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước khó có thể phát triển như mong muốn được. Hiện nay các đối tác chính mà Nga và Việt Nam đều nhằm tới đó là Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc. Tuy nhiên các đối tác này sẽ chỉ mở cửa thị trường của họ cho Nga, khi Nga cũng phải mở cửa thị trường của mình tương ứng. Trong điều kiện này, Nga khó chấp nhận việc mở cửa thị trường của mình theo yêu cầu của các đối tác. Do vậy Nga có thể phải đi đường vòng, mở cửa thị trường của các nước khác để đi vào thị trường các đối tác chính⁽²⁾.

2. Các nhân tố khu vực

Trước thập kỷ 90, các nước Mỹ, Nhật chỉ ủng hộ nhập khẩu kinh tế toàn cầu, không chấp nhận hội nhập kinh tế khu vực và song phương. Bởi vì họ cho rằng các quan hệ tự do hoá thương mại song

phương và khu vực sẽ làm méo mó quan hệ thương mại toàn cầu.

Trong thập kỷ 90, một đặc trưng nổi bật của khu vực châu Á - Thái Bình Dương là hội nhập kinh tế khu vực tăng mạnh mẽ với sự hoạt động nổi bật của các tổ chức kinh tế AFTA, NAFTA, APEC, cùng với những hiệp định tự do thương mại song phương, đặc biệt là của Mỹ với các nước khác. Đặc trưng này đặt ra cho mọi quốc gia những lựa chọn tham gia hội nhập kinh tế quốc tế ở cả 3 cấp: toàn cầu hoá với WTO, khu vực với các khối mậu dịch tự do và song phương với một số nước lựa chọn. Hai nước Mỹ và Nhật đã thay đổi quan điểm của mình. Vì vậy Mỹ đã lập Khu vực Mậu dịch tự do Bắc Mỹ, và ký Hiệp định tự do thương mại song phương. Còn Nhật ủng hộ ý tưởng lập Khu vực Mậu dịch tự do Đông Bắc Á và Đông Á, đồng thời còn chủ trương ký các Hiệp định thương mại tự do song phương.

Cho đến nay, Nga chưa gia nhập WTO, chưa tham gia một khối mậu dịch tự do khu vực nào, cũng chưa ký kết một hiệp ước thương mại tự do song phương nào, tuy đã có ý tưởng tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Còn Việt Nam chúng ta tuy đã tham gia AFTA, nhưng chưa phải là thành viên của WTO, chưa tham gia ký một hiệp ước thương mại tự do song phương thực sự nào. Có thể xem Nga và Việt Nam rất giống nhau ở mức độ tham gia hội nhập kinh tế khu vực và song phương. Điều đó cho thấy cả Nga và Việt Nam đã đi chậm trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và song phương. Điều đó chắc chắn sẽ tác động đến sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa Nga và Việt Nam. Nga

chưa ký Hiệp định thương mại tự do với nước nào nghĩa là Nga chưa có chủ trương, sao có thể ký với Việt Nam một hiệp ước như vậy. Nga chưa ký một Hiệp ước tự do với khối nào, sao có thể ký với ASEAN được (các khối kinh tế mà Nga lập ra trong không gian Liên Xô cũ chưa phải là khối mậu dịch tự do thực sự). Có thể nói là dù xu thế hội nhập kinh tế khu vực phát triển khá mạnh mẽ, nhưng vì nhiều lý do Nga chưa thực sự tham gia vào khối này. Việt Nam tuy đã tham gia vào AFTA nhưng quá trình này mới chỉ bắt đầu, phải tới năm 2006 Việt Nam mới có một bước tiến rõ rệt trong sự hội nhập kinh tế vào ASEAN, nhưng cũng chỉ mới giới hạn trong phạm vi tự do hoá thương mại các hàng công nghiệp chế biến.

Trong điều kiện trên đây, liệu một Hiệp định thương mại tự do giữa Nga và Việt Nam có nên đặt ra không và có là một nhu cầu của cả hai nước không⁽³⁾?

3. Những yếu tố có tính chất quốc gia

Nga và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng, cụ thể là: hai nước cùng là những nền kinh tế chuyển đổi, sức cạnh tranh thấp, mức độ hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế...

Và hai nước cũng có nhiều điểm khác biệt đó là: trình độ phát triển kinh tế của Nga cao hơn Việt Nam, nguồn tài nguyên thiên nhiên của Nga to lớn hơn Việt Nam, trình độ phát triển kỹ thuật của Nga cao hơn Việt Nam, Nga đã được công nhận là nền kinh tế thị trường còn Việt Nam thì chưa được thừa nhận, chế độ chính trị - xã hội của hai nước khác nhau.

Sau mười năm sóng gió, suy thoái (thập niên 90) gần đây nền kinh tế Nga

đã phục hồi rõ rệt và tốc độ tăng trưởng GDP từ 5-7% một năm. Vị thế của Nga được nâng cao rõ rệt trên trường quốc tế. Kể từ khi Tổng thống Putin cầm quyền, Nga đã đưa ra những hướng ưu tiên mới: chú ý đến châu Á hơn. Nga đã cải thiện mối quan hệ với những nước láng giềng trực tiếp như Trung Quốc, Nhật Bản, hai miền Nam, Bắc Triều Tiên. Nga đã tích cực tham gia vào quá trình đàm phán nhằm ổn định hoá tình hình trên bán đảo Triều Tiên. ở Đông Nam Á, Nga tiếp tục đổi thoai chính sách ở cấp cao với lãnh đạo các nước như Thái Lan, Malaixia, Indônêxia. Nga thường xuyên tham gia ở cấp Bộ trưởng diễn đàn hàng năm của ASEAN. Hợp tác kỹ thuật - quân sự của Nga với các nước Đông Nam Á đang ngày càng được củng cố. Tổng thống Putin thường xuyên tư vấn với các nguyên thủ quốc gia các nước ở khu vực trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Ít rõ nét hơn là quan hệ kinh tế giữa Nga với các nước trong khu vực. Mặc dù trong những năm gần đây hoạt động kinh doanh của Nga theo định hướng Đông Á đã có những dấu hiệu tích cực hơn nhưng tình hình vẫn chưa thực sự có sự thay đổi về chất so với những năm 1990. Hiện tại đang diễn ra quá trình hình thành năng lực xuất khẩu, cơ sở hạ tầng cần thiết và tối ưu hoá chính sách nhập khẩu của Nga. Hiện nay, giới kinh doanh tư nhân Nga và các cơ quan chính phủ Nga vẫn chưa thể phối hợp hoạt động với nhau một cách hài hoà. Trong khi đó trong nhiệm kỳ Tổng thống lần thứ hai, Tổng thống Putin đã đưa ra chính sách đối ngoại định hướng Đông Á. Ông đã quyết định xây dựng đường ống dẫn dầu từ Sibiri tới cảng Nakhótca ở

Thái Bình Dương⁽⁴⁾.

Cần phải thừa nhận rằng trong những năm đầu của thập niên mới, quan hệ Việt - Nga vẫn chưa có bước đột phá nào. Vì vậy, cần phải xem xét lại nhiều vấn đề mà các nhà ngoại giao và các nhà hoạch định chính sách đã từng bàn luận nhiều lần trong những năm trước đây.

Không thể không nhắc đến những tiến triển tích cực trong quan hệ giữa hai nước. Có thể kể đến các cuộc giao tiếp thường xuyên của lãnh đạo chính trị hai nước. Theo chúng tôi, có hai dấu mốc đặc biệt quan trọng trong thập niên 90, đó là:

- Ngày 16/6/1994, trong chuyến thăm Nga của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Việt Nam và LB Nga đã ký Hiệp ước về Những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa hai nước, tạo cơ sở pháp lý cho việc ký kết các hiệp định hợp tác về kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hoá giáo dục và các vấn đề khác giữa hai nước.

- Tháng 8/1998, trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, hai nước đã ký Tuyên bố chung khẳng định quyết tâm thúc đẩy hợp tác kinh tế trên các lĩnh vực như dầu khí, năng lượng, cơ khí, công nghiệp hoá chất, luyện kim, công nghiệp nhẹ, thực phẩm, ngân hàng, bảo hiểm, trọng tài kinh tế, nghiên cứu cơ bản, khuyến khích đầu tư⁽⁵⁾. Đây là sự kiện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong quan hệ hai nước. Đúng như Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã nói: "Chúng tôi khẳng định một trong những ưu tiên chiến lược trong chính sách đối ngoại của Việt Nam là tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt trên cơ sở ổn định lâu dài và cùng có lợi với LB Nga"⁽⁶⁾. Và

cũng đúng như Tổng thống B. Yelsin từng nói: "ngày hôm nay đang hình thành một cách nhìn mới về sự phối hợp hoạt động giữa hai nước chúng ta. Chúng tôi coi Việt Nam là đối tác quan trọng của Nga ở Đông Nam Á"⁽⁷⁾.

Và sự kiện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, đánh dấu một mốc son trong sự phát triển quan hệ Việt Nam - LB Nga vào những năm đầu thế kỷ XXI, đó là chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống LB Nga V. Putin từ ngày 28/2 đến 2/3 năm 2001. Hai bên đã ký Hiệp ước "Đối tác chiến lược hướng tới thế kỷ XXI" đã mở ra một trang mới trong sự phát triển hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và LB Nga trong tương lai, đặt nền tảng tư tưởng mới cho sự hợp tác song phương. Việc những năm đầu thế kỷ XXI, hai bên ký kết hàng loạt các Hiệp định liên Chính phủ đã củng cố cơ sở pháp lý cho sự phát triển các quan hệ hợp tác nhiều mặt Việt - Nga. Năm 2004 hai bên đã ký kết "hiệp định tạm thời về hoạt động lao động" nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thu hút công dân Việt - Nga tham gia vào các quan hệ sản xuất trên lãnh thổ hai nước. Việc giải quyết vấn đề nợ cũng có tác động tích cực đến quan hệ của hai nước. Sẽ là sai lầm nếu đánh giá thấp ý nghĩa của những yếu tố tích cực này.

Tuy nhiên, hai bên vẫn chưa đạt được những tiến triển nổi bật về quy mô động thái và tính chất của hợp tác kinh tế - thương mại song phương. Các bên chưa gắn được sự hợp tác này vào khuôn khổ hợp tác khu vực đang phát triển ở Đông Á.

Quy mô lưu thông hàng hoá song phương được xác nhận mới chỉ khoảng 0,7 tỷ USD (có con số nói là 0,8 tỷ USD)

năm 2004, trong đó xuất khẩu của Nga sang Việt Nam là 0,5 tỷ USD và xuất khẩu của Việt Nam sang Nga là 0,2 tỷ USD. Dự báo buôn bán hai chiều đến năm 2010 đạt khoảng 2 tỷ USD. Danh mục hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nga không thay đổi bao gồm: thép cán, phân bón, kỹ thuật xây dựng và làm đường. Ngoài ra, Nga có thể cung cấp cho Việt Nam những máy móc thiết bị, vũ khí, nguyên vật liệu, các công nghệ cao, các sáng chế phát minh, các chuyên gia kỹ thuật. Nga có thể tham gia xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, các công trình công nghiệp, các kỹ thuật hàng không, thiết bị khai thác mỏ, thiết bị năng lượng, các loại máy cái, các thiết bị chế tạo. Điều đó có nghĩa là phía Nga đã không tận dụng hết những khả năng gia tăng xuất khẩu các mặt hàng mà nền kinh tế Việt Nam đang có nhu cầu lớn. Những con số trên, dù sao cũng trở nên nhỏ bé, xét trong bối cảnh Việt Nam có tốc độ rất ấn tượng trong phát triển các quan hệ kinh tế - thương mại với các quốc gia khác. Năm 2004, buôn bán hai chiều giữa Việt Nam với EU là 7,47 tỷ USD; với Mỹ cũng khoảng trên 7 tỷ, với Trung Quốc là 7,2 tỷ USD. Trong tương lai con số đó còn tăng lên nhiều.

Trong hợp tác đầu tư và hợp tác khoa học - Kỹ thuật Việt - Nga chưa có sự tiến triển đáng kể, các hình thức làm ăn trong công nghiệp như hợp tác sản xuất chưa được Áp dụng. Kết quả là cơ sở kinh tế hạn hẹp định ra những khuôn khổ hạn chế cho các quan hệ song phương, thu hẹp tiềm năng tác động qua lại về phương diện chính trị, khoa học và nhân văn. Vì vậy, những triển vọng hợp tác của hai nước sẽ tùy thuộc ở mức độ quyết định vào khía

cạnh kinh tế của các quan hệ song phương. Trong trường hợp hai bên liên quan đều có quan điểm thụ động, rất có thể trong tương lai gần sẽ không có những thay đổi cơ bản trong quan hệ kinh tế Nga - Việt. Nếu xu hướng này tiếp tục, thì có thể nói đó là sự suy thoái các quan hệ Nga - Việt, và điều đó có nghĩa là cả hai nước sẽ bỏ qua khả năng tạo ra xung lực cho sự phát triển kinh tế của mình, cũng như toàn bộ tổ hợp các mối quan hệ qua lại liên chính phủ⁽⁸⁾.

Trước mắt cả hai nước Việt - Nga đều phải góp phần làm thay đổi tình hình. Phía Nga phải thể hiện tính tích cực hơn trong việc khuyến khích trao đổi song phương, bất kể những nguyên nhân kinh tế - xã hội khách quan của mình. Những tiến triển trong quan hệ kinh tế Việt - Nga chỉ diễn ra khi các thể chế nhà nước và giới kinh doanh hai nước có thể phối hợp cùng hành động. Trong đó, vẫn cần đến những sáng kiến được đưa ra ở cấp cao như trước đây, và dựa vào đó, các quan hệ cùng có lợi sẽ phát triển. (Thực tế những năm qua đã cho thấy hiệu quả hợp tác kinh tế trong nhiều ngành là thấp, khi lãnh đạo hai bên gặp gỡ nhau hợp tác thì lĩnh vực đó tốt ngược lại nếu lãnh đạo hai bên không gặp gỡ thì kết quả không tốt. Lấy trường hợp hợp tác xây dựng khu lọc dầu Dung Quất và chương trình hợp tác vệ tinh làm ví dụ). Để củng cố sự hợp tác trong quan hệ kinh tế, hai bên nhất thiết cần phải xây dựng quan hệ hợp tác trên nền tảng kiện toàn hệ thống pháp lý, củng cố các cuộc tiếp xúc cấp cao về chính trị, củng cố các quan hệ quốc hội, hai đảng giữa hai bên (Đảng cộng sản Việt Nam với Đảng Thống nhất Nga), hai bên cùng thảo luận trao đổi với nhau về tình hình

quốc tế. Nga vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình và an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mà thực tế Nga đã đẩy mạnh sự hội nhập kinh tế trong khu vực Đông Nam Á. Nhưng trong quan hệ giữa hai nhà nước Nga - Việt về mặt tư tưởng sẽ không còn vai trò chủ chốt trong hợp tác hai bên như trước đây, mà dựa trên nguyên tắc cùng có lợi, dựa vào thị trường. Các lĩnh vực hợp tác về quân sự đã được thay đổi nhận thức, hai bên hợp tác vì hoà bình, phát triển, không có tính chất chống lại nước thứ ba (ví dụ Nga đã rút khỏi căn cứ quân sự ở Cam Ranh đúng thời gian, quan điểm của Việt Nam là không cho nước khác sử dụng lãnh thổ, lãnh hải của nước mình làm căn cứ quân sự là hoàn toàn đúng đắn). Về hợp tác kinh tế thương mại: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu vẫn như trước, nhưng nhu cầu của Việt Nam sẽ ít đi bởi Việt Nam trong những năm qua thường nhập khẩu hàng hoá, thiết bị sản xuất từ các nước trong khu vực, đặc biệt là của Trung Quốc bởi vì nó rẻ hơn, tuy chất lượng không bằng của Nga, nhưng nó lại phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam. Trong cán cân thanh toán Việt Nam - Nga có sự mất cân đối nghiêm trọng, Việt Nam liên tục nhập siêu (xem bảng 1). Tuy vậy, có một điều cần khẳng định lại là sự tham gia đóng góp ngày càng lớn của các tư nhân người Việt Nam đang sinh sống tại Nga vào nền kinh tế Nga. Doanh số kinh doanh của tư nhân Việt Nam ở Nga hiện nay khoảng 1 đến 2 tỷ USD (nếu như những năm đầu thập niên 90 hoạt động kinh tế của người Việt tại Nga là bất hợp pháp vì không có sự kiểm soát của nhà nước, thì đến nay các lĩnh vực kinh doanh đều tập trung vào các hội chợ

thương mại, trung tâm thương mại có sự quản lý của nhà nước Nga). Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu giữa hai nước vẫn như trước, năm 2000 Việt Nam xuất sang Nga những mặt hàng như dệt may khoảng 32,24 triệu USD, chiếm 26,2% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nga); Các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa, các loại bánh khoảng 14,78 triệu USD, chiếm 12% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nga; Gạo khoảng 14,28 triệu USD chiếm 11,6%; Cao su 13,36 triệu USD chiếm 10,1%; Giày dép các loại khoảng 10,3 triệu USD chiếm 8,4%; Chè khoảng 2,18 triệu USD chiếm 1,8%; Hàng rau quả khoảng 2,11 triệu USD chiếm 1,7%; Hạt tiêu khoảng 1,59 triệu USD chiếm khoảng 1%; Thịt chế biến khoảng 646 nghìn USD chiếm 0,53%. Còn những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Nga năm 2000 là: Sắt thép 122,49 triệu USD chiếm 59% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Nga; Phân bón 39,70 triệu USD chiếm khoảng 16,5%; Xe ô tô và linh kiện ô tô khoảng 7,71 triệu USD chiếm 7,7%; Giấy các loại khoảng 4,19 triệu USD chiếm 2,6% ⁽⁹⁾.

Quan hệ đầu tư hai nước đã thực hiện dưới dạng các công ty liên doanh ở Việt Nam và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở LB Nga. Từ năm 1997 trở về trước, số dự án FDI của Nga vào Việt Nam tuy nhiều nhưng chủ yếu là các dự án nhỏ, giá trị vốn đăng ký thấp. Năm 1998, chỉ với 4 dự án, nhưng tổng số vốn đăng ký của Nga vào Việt Nam lên đến 1,3 tỷ USD. Những năm sau đó, số dự án và lượng vốn đăng ký đều sụt giảm. Tính chung từ 1998 đến 2002, LB Nga đã có 74 dự án FDI vào Việt Nam với tổng số vốn

đăng ký là 1,66 tỷ USD (LB Nga đứng thứ 9 trong danh sách các nước, vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam). Một số dự án đầu tư vào Việt Nam của LB Nga là: 1) Liên doanh dầu khí Việt - Xô (Vietsopetro) được đánh giá là một trong 10 công ty dầu khí trên thế giới có doanh lợi cao nhất, là doanh nghiệp kinh doanh ở nước ngoài hiệu quả nhất đóng góp khoảng 0,5 tỷ USD cho nước Nga mỗi năm. Nó được thành lập với sự góp vốn của mỗi bên là 50/50, mỗi bên góp 750 triệu USD, đã thu hồi vốn góp từ năm 1995, nó đã khai thác trên 100 triệu tấn dầu, tổng doanh thu từ khi khai thác đến năm 2002 đạt 15 tỷ USD. Trong kế hoạch 2001-2005, liên doanh phấn đấu khai thác 54,4 triệu tấn dầu thô với doanh thu ước đạt 6,47 tỷ USD. 2) Công ty sản xuất máy bay lên thẳng Matxcova Mill là một bên đối tác của dự án xây dựng nhà máy sửa chữa và bảo hành ở Đà Nẵng. Nhà máy phục vụ nhu cầu cho toàn bộ khu vực Đông Á. Chi nhánh Mill ở Việt Nam chủ yếu phục vụ kéo dài tuổi thọ của các máy

bay lên thẳng do Liên Xô cũ và Nga đã chế tạo. 3) Dự án sản xuất ô tô của nhà máy Ulyanovsky. Nhà máy đã lắp đặt một dây chuyền sản xuất tại Việt Nam có giấy phép hoạt động thời hạn 5 năm. Năm 2003, dự án có kế hoạch cung cấp khoảng 1.200 xe ô tô. 4) Nhà máy chế tạo máy kéo hạng nặng Chelyabinsk cũng theo khuôn mẫu trên, đang gửi các linh kiện và phụ tùng lắp ráp tại Việt Nam. 5) Ban quản lý cảng biển Nakhodka cũng tìm kiếm khả năng để các thuyền đánh cá và chủ thuyền rải hàng thường xuyên sử dụng các cảng biển ở Việt Nam.

Đầu tư của Việt Nam vào LB Nga, theo các chuyên gia kinh tế Nga, hiện nay có khoảng 300 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài của Việt Nam đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại LB Nga. Chỉ có số ít hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn lại các doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, kinh doanh xuất nhập khẩu. Một số công ty của người Việt Nam tại Matxcova đã phát triển các mạng lưới, các chi nhánh, văn phòng đại diện ở các

Bảng 1: Quan hệ thương mại Việt Nam - LB Nga thời kỳ 1992 - 2001

Năm	Xuất khẩu (Triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng số (%)	Nhập khẩu (Triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng số (%)	Nhập siêu (Triệu USD)
1992	104,8	4,06	100,1	3,94	4,7
1993	135,4	4,54	144,3	3,68	-8,9
1994	90,2	2,22	288,7	4,96	-198,5
1995	80,8	1,48	144,8	1,78	-64,0
1996	84,7	1,17	186,5	1,67	-101,8
1997	124,6	1,36	158,0	1,36	-33,4
1998	126,2	1,35	216,3	1,88	-90,1
1999	114,9	1,00	245,6	2,09	-130,7
2000	122,9	0,85	240,5	1,54	-117,6
2001	194,5	1,29	376,8	2,33	-182,3

Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2002

vùng khác nhau ở Nga, có mối quan hệ đối tác chặt chẽ với các công ty ở nhiều nước thuộc SNG, vùng Bantic, châu Âu, Đông Nam Á, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ⁽¹⁰⁾.

Có một vấn đề là trong buôn bán hai bên chủ yếu là hình thức thanh toán hàng đổi hàng. Nếu muốn đẩy mạnh xuất khẩu, không thể không có sự hỗ trợ mạnh mẽ về tín dụng. Hợp tác làm ăn Nga - Việt có thể trở thành một khu vực mà trong đó sẽ rèn luyện và hoàn thiện hoạt động cấp tín dụng thương mại dài hạn dưới sự bảo trợ của nhà nước nhằm hỗ trợ xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm của ngành chế tạo của Nga. Cần thiết phải xây dựng các trung tâm thông tin thương mại ở cả hai bên nhằm mục đích thu thập thông tin khu vực, phổ biến là các thông tin thương mại về hai nước. Các trung tâm này còn đảm nhận vai trò các trung tâm kinh doanh, thực hiện cả chức năng trung gian trong việc tổ chức các mối quan hệ làm ăn song phương. Chính phủ Nga và Việt Nam cần thành lập các nhóm chuyên gia tư vấn hỗn hợp để có thể thường xuyên nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh quan hệ hợp tác giữa hai nước (Xem bảng 1).

III. KẾT LUẬN

Quan hệ Việt - Nga đã khủng hoảng trong những năm đầu thập kỷ 90, sau đó dần dần phục hồi, cho đến nay hai bên cùng nhau hợp tác chiến lược trong thời đại mới (chuyển từ cơ chế xin - cho sang cơ chế bình đẳng, thị trường).

Sau khi Liên Xô bị sụp đổ, chủ trương cơ bản trong chính sách đối ngoại của Nga không phải là phương Đông, mà là phương Tây, tuy hiện nay đã có điều

chỉnh đôi chút. Còn Việt Nam hiện nay hướng chính sách đối ngoại của mình vào các nước trong khu vực, các đối tác có nền kinh tế thị trường phát triển, làm ăn, hợp tác hiệu quả có lợi ích cho mình. Nước Nga khó có thể trở lại vị trí như trước đây đối với Việt Nam. Tuy vậy, hai bên vẫn có nhiều tiềm năng để khai thác, hai bên có lợi ích chung, tiếp tục đa dạng hoá quan hệ hợp tác dựa vào nguyên tắc mới⁽¹¹⁾./

CHÚ THÍCH

1. Nguyễn An Hà: *"Hội nhập kinh tế vào EU: Cơ hội và thách thức của các nước Đông Âu"*. Đề tài cấp Bộ.
2. Võ Đại Lực *"Phát triển quan hệ Việt - Nga hướng tới thế kỷ XXI"* Bài viết Hội thảo khoa học Quốc tế Việt - Nga. Matxcova 2005.
3. Xem chú thích 2
4. Phêdôropxky A.N *"Quan hệ Việt - Nga trong chính sách Châu Á - Thái Bình Dương"*, báo cáo Hội thảo Việt - Nga tại Matxcova năm 2005.
5. Nguyễn Hồng Sơn *"Quan hệ kinh tế Việt - Nga trong bối cảnh quốc tế mới"*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu số 6/2003.
6. Nguyễn Quang Thuấn *"Quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - LB Nga: đối tác chiến lược trong thế kỷ XXI"* tạp chí Nghiên cứu Châu Âu số 16/2001.
7. Xem chú thích 6
8. Phêdôropxky A.N xem chú thích 4
9. Nguyễn Hồng Sơn, xem chú thích 5.
10. Nguyễn Hồng Sơn, xem chú thích 5
11. V.Madozin - GS Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp, Matxcova - Hội thảo khoa học quốc tế quan hệ kinh tế Việt - Nga tổ chức tại Hà Nội năm 2005.